SAO Y; SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG; 03/06/2026; 20:03:50; +07:00

UBND TỈNH AN GIANG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 25 /GPMT-SNNMT

An Giang, ngày 11 tháng 5 năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026;

Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 01/07/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 2126/QĐ-UBND ngày 07/05/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-SNNMT ngày 15/4/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về thành lập Đoàn kiểm tra cấp giấy phép môi trường của cơ sở "Nhà hàng – Khách sạn Hòa Giang";

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Hòa Giang tại Công văn số 03/CV-HG ngày 08/05/2026 về việc chỉnh sửa hoàn thiện và đề nghị cấp giấy phép môi trường của Nhà hàng - Khách sạn Hoà Giang;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường An Giang tại Tờ trình số 102 /TTr-CCBVMT ngày 08/05/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Hòa Giang, địa chỉ tại 62-64-66 đường Cô Bắc, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Nhà hàng - Khách sạn Hòa Giang tại 62-64-66 đường Cô Bắc, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Nhà hàng - Khách sạn Hòa Giang.

1.2. Địa điểm hoạt động: số 62-64-66 đường Cô Bắc, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1700457386, đăng ký lần đầu ngày 23/11/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 23/12/2025 do Sở Tài chính An Giang cấp.

1.4. Mã số thuế: 1700457386

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Nhà hàng - khách sạn.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

- Tổng diện tích cơ sở: 10.965 m^2, gồm các hạng mục, công trình như sau:

STT	Mục đích sử dụng	Diện tích (m^2)	Cấp công trình
1	Khối nhà hàng Hoà Giang	1.300	Cấp 3
2	Khối khách sạn Hoà Bình	730	Cấp 3
3	Khối nhà hàng tiệc cưới Hoa Sen	1.069	Cấp 3
4	Khối nhà hàng tròn ẩm thực Karaoke	1.181	Cấp 4
5	Khối bếp	251	Cấp 4
6	Sảnh thang máy	55	-
7	Khu Spa	140	Cấp 3
8	Bãi xe, đường giao thông, cây xanh, hồ nước	6.239	-
Tổng cộng		**10.965 m^2**	

- Nhóm dự án: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án nhóm đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ- CP.

- Công suất hoạt động: Hoạt động khách sạn có 60 phòng. Khối nhà hàng có 2 sảnh công suất 80 bàn và 1 sảnh có vách ngăn di động công suất 70 bàn. Hoạt động dịch vụ karaoke bao gồm 10 phòng và nhà hàng tròn, 6 phòng VIP.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Hòa Giang

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Hòa Giang có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm

(Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày … tháng … năm 2036).

Quyết định phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết và các giấy phép môi trường thành phần của cơ sở hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ môi trường An Giang chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Rạch Giá tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Giám đốc và các Phó Giám đốc Sở;
- UBND phường Rạch Giá;
- Chi cục Bảo vệ môi trường An Giang;
- Cổng thông tin điện tử Sở NN&MT;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh (01 bản);
- Công ty CP Du lịch - Thương mại Hòa Giang;
- Lưu: VT, ptthao (02 bản).

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH AN GIANG

Lê Hữu Toàn

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 25/GPMT-SNNMT ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh, bồn rửa dẫn về bể tự hoại khoảng 70 m^3/ngày đêm.

Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động nấu nướng khu bếp dẫn về máy tách dầu khoảng 10 m^3/ngày đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Cống thoát nước chung phường Rạch Giá.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Tại hố ga trên cống thoát nước chung của khu vực dọc theo đường Cô Bắc vào cống thoát nước chung trên đường Cô Bắc của phường Rạch Giá.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X=1106359; Y=563715 *(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $104^0 30'$, múi chiếu 3^0)*.

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 80 m^3/ngày đêm ~ 3,33 m^3/giờ.

2.4. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý theo đường ống BTCT D500 chảy ra cống thoát nước chung trên đường Cô Bắc của phường Rạch Giá.

2.5. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục (24 giờ).

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Quy chuẩn QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (cột B) và QCVN 40:2025/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B), cụ thể như sau:

TT	Thông số /Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	**QCVN 14:2025/BTNMT**				
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng*	Không thuộc đối
2	Nhu cầu ôxy sinh hóa (BOD_5 ở	mg/L	≤ 35		

	20°C)				tượng
3	Nhu cầu ôxy hóa học (COD)	mg/L	≤ 90		
	hoặc Tổng Cacbon hữu cơ (TOC)	mg/L	≤ 45		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	≤ 60		
5	Amoni (N-$NH4^+$), tính theo N	mg/L	≤ 8,0		
6	Tổng Nitơ (T-N)	mg/L	≤ 30		
7	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/L			
	Nguồn nước tiếp nhận khác		≤ 6,0		
8	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100 mL	≤ 5 000		
9	Sunfua (S^{2-})	mg/L	≤ 0,5		
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	≤ 15		
11	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/L	≤ 5,0		
II	**QCVN 40:2025/BTNMT**				
12	Clo dư	mg/L	≤ 2,0	Không thuộc đối tượng*	Không thuộc đối tượng

(*): Khuyến khích Chủ cơ sở thực hiện quan trắc nước thải định kỳ để tự theo dõi, giám sát hệ thống, thiết bị xử lý nước thải của mình.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Hệ thống thu gom, thoát nước thải riêng biệt hoàn toàn với hệ thống thoát nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt được thu gom từ các nhà vệ sinh, bồn rửa bằng hệ thống ống PVC D114, D140 về bể tự hoại 3 ngăn xử lý trước khi chảy qua các hố thu gom (trạm bơm) sau đó thông qua đường ống D60 nước thải được bơm về hố thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung xử lý trước khi đưa ra nguồn tiếp nhận.

- Nước thải từ khâu nhà bếp được thu gom bằng hệ thống ống PVC D168 và D300 để đưa vào máy tách dầu. Sau đó, nước thải chảy về hố thu gom (trạm bơm) và được bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý bằng hệ thống ống PVC D60 trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Khối lượng các hạng mục công trình thu gom, xử lý nước thải:

TT	Loại công trình	Kết cấu	Kích thước	Chiều dài/số lượng
1	Chiều dài đường ống	PVC	D60	178 m
2	Chiều dài đường ống	PVC	D114	105 m
3	Chiều dài đường ống	PVC	D140	24 m
4	Chiều dài đường ống	PVC	D168	95 m
5	Chiều dài đường ống	PVC	D200	55 m
6	Chiều dài đường ống	PVC	D42	70,9 m
7	Chiều dài đường ống	PVC	D60	2,2 m
8	Bể tự hoại (khu nhà hàng)	BTCT	3,2mx2mx2,2m	2
9	Bể tự hoại (khu khách sạn)	BTCT	1,6mx1,6mx1,3m	1
10	Hố ga (trạm bơm)			3
11	Hố ga	BTCT	700x700mm	3
12	Hố ga	BTCT	1400x1400mm	5
13	Hố ga	BTCT	600x600x600mm	1

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Công suất thiết kế: 80 m^3/ngày đêm.

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải → Hố thu gom→Bể điều hòa kỵ khí→ Bể Anoxic → Bể Aeroten → Bể lắng → Bể khử trùng → lọc thô →nguồn tiếp nhận.

- Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải:

STT	Công trình	Kích thước DxRxS (m)	Thể tích (m^3)
1	Bể thu gom	1,0m x 4,0m x 3,7m	14,8
2	Bể điều hoà kỵ khí	3,4m x 1,6m x 3,7m	20,1
3	Bể Anoxic	1,6m x 1,6m x 3,7m	9,5
4	Bể Aerotank	4,1m x 2,2m x 3,7m	33,4
5	Bể lắng	1,5m x 1,6m x 3,7m	8,9
6	Bể khử trùng	0,8m x 2,2m x 3,7m	6,5
7	Bể chứa bùn	1,6m x 2,2m x 3,7m	13,0

- Hóa chất sử dụng: Chlorine khoảng 0,1 kg/ngày.

- Chế độ vận hành: Tự động, liên tục.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Cơ sở đã bố trí bể điều hòa với thời gian lưu nước hơn 06 giờ, trong trường hợp xảy ra sự cố phải dừng hoạt động đột ngột thì toàn bộ lượng nước thải phát sinh sẽ được thu gom và lưu chứa tại bể điều hòa.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cho HTXLNT như máy bơm, bơm định lượng.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của HTXLNT để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố.

- Định kỳ thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom nước thải.

- Kịch bản ứng phó sự cố khi chất lượng nước thải đầu ra không đạt:

+ Khi phát hiện chất lượng nước thải đầu ra không đạt quy chuẩn do gặp phải sự cố, tiến hành khóa van xả nước thải sau xử lý sau đó bơm lượng nước thải tại bể khử trùng về bể điều hòa để lưu chứa, không xả thải ra môi trường. Đồng thời thông báo sự việc cho quản lý biết và ứng phó sự cố.

+ Khắc phục nhanh các hư hỏng, tuần hoàn xử lý lượng nước thải lưu chứa đến khi đạt chuẩn. Sau khi đã xử lý đạt yêu cầu, tiến hành mở van xả nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Căn cứ quy định tại điểm g, Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025, các công trình xử lý chất thải của cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường, không xả trực tiếp nước thải ra môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.3. Trường hợp khi cơ quan có thẩm quyền ban hành quy định liên quan đến phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường nơi tiếp nhận, chủ cơ sở phải thực hiện việc xả thải theo quy định mới ban hành.

3.4. Hệ thống xử lý nước thải phải có đồng hồ đo lưu lượng đầu ra và khuyến khích thực hiện các biện pháp kiểm soát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải như: Có công tơ điện độc lập, nhật ký vận hành xử lý (ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng đầu ra, các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng,... Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm).

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 25 /GPMT-SNNMT ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

Nguồn khí thải phát sinh từ ống thoát khí của nhà kỹ thuật đặt Hệ thống xử lý nước thải.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả thải

Vị trí xả thải tọa độ: X=1106405 ; Y= 563701 theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 104°30', múi chiếu 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất

Lưu lượng xả khí thải là : 1.000 m^3/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Cưỡng bức, liên tục khi hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cụ thể như sau:

STT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	NH_3	mg/Nm^3	⩽ 20	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	H_2S	mg/Nm^3	⩽ 7		
3	NO_x	mg/Nm^3	⩽400		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Tại bể kỵ khí của hệ thống có trang bị thiết bị hấp thụ mùi hôi bằng than hoạt tính. Khí thải đi qua lớp than hoạt tính, giữ lại các phân tử khí mùi trên bề

mặt than và xử lý khí thải từ hệ thống. Các hạng mục xử lý đều có nắp đậy và được đặt âm dưới đất nên hạn chế phát tán các sol khí ra ngoài.

1.2. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa ứng phó sự cố

- Tuân thủ quy trình vận hành máy móc, thiết bị.

- Tập huấn cho công nhân vận hành về việc phòng ngừa, ứng phó sự cố; định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các máy móc thiết bị hệ thống xử lý khí thải.

- Bố trí các thiết bị dự phòng để kịp thời thay thế khi xảy ra sự cố; định kỳ 06 - 12 tháng thay thế than hoạt tính của hệ thống xử lý khí thải, mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải.

- Khi xảy ra sự cố hệ thống xử lý khí thải kịp thời thay thế sửa chữa các thiết bị bị hỏng hóc trong hệ thống trước khi vận hành trở lại.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Căn cứ quy định tại điểm g, Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025, các công trình xử lý chất thải của cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 25 /GPMT-SNNMT ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Phát sinh từ hoạt động của các máy móc từ hệ thống xử lý nước thải.

- Nguồn số 02: Phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng;

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ đến trước 18 giờ (dBA)	Từ 18 giờ đến trước 22 giờ (dBA)	Từ 22 giờ đến trước 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	65	60	55	-	Khu vực D

2.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến trước 22 giờ	Từ 22 giờ đến trước 6 giờ		
1	70	65	-	Khu vực C

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

- Khu vực Nhà điều hành HTXLNT các bể chứa được xây dựng kín có nắp đậy và được lắp đặt âm dưới đất, hệ thống bố trí trong phòng riêng, có cách âm.

- Thường xuyên lau chùi, vệ sinh, bảo dưỡng máy móc, động cơ.

- Máy phát điện dự phòng đặt có vị trí phòng riêng biệt có cách âm.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung

- Máy phát điện dự phòng, bố trí trong phòng cách âm, lắp đặt bệ chống rung miệng ống khói đưa lên cao khoảng 3m tính từ mặt đất.

- Máy móc hoạt động trong hệ thống xử lý nước thải lắp giá đỡ chống rung, đồng thời thường xuyên kiểm tra để hạn chế rung động truyền ra nền.

- Thực hiện bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ động cơ và các khớp nối máy móc hệ thống xử lý nước thải nhằm hạn chế rung lắc, tiếng ồn bất thường trong quá trình vận hành.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại mục 2 Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn, hiệu chuẩn đối với các thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải, máy phát điện dự phòng để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 25 /GPMT-SNNMT ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Dầu động cơ, hộp số, bôi trơn thải	17 02 04	4
2	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	15
3	Hộp mực in thải	08 02 04	02
4	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	05
5	**Tổng**		**26**

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Tên CTCNTT	Mã số	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (tấn/năm)
1	Bùn thải từ HTXLNT	12 06 10	Bùn	TT	1,8
2	Bùn thải từ quá trình phân tách dầu khu vực nhà bếp	12 06 11	Bùn	TT	0,36
Tổng					**2.16**

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 76 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Chủ cơ sở có bố trí kho chứa diện tích khoảng 4 m^2 được bố trí tách riêng với các khu vực khác, kho chứa tường gạch, nền bêtông, có gờ chống tràn, có mái che và khoá kín đảm bảo không bị ảnh hưởng bởi nước mưa. Bên ngoài khu lưu giữ chất thải được gắn các biển cảnh báo, có trang bị dụng cụ PCCC… Bên trong khu lưu giữ chất thải nguy hại được trang bị các thùng chứa riêng biệt cho từng loại chất thải nguy hại (thùng kín, có nắp đậy, có dán nhãn, tên chất thải).

- Kho CTNH được trang bị dụng cụ, thiết bị, vật liệu:

+ Bình PCCC, thùng cát khô để phòng ngừa sự cố cháy nổ, đổ dầu nhớt.

+ Ngay cửa kho bố trí gờ chắn cao tránh trường hợp rò rỉ, đổ tràn chất thải thể lỏng hoặc nước từ bên ngoài vào.

+ Tại cửa dán biển tên kho "CHẤT THẢI NGUY HẠI".

- Ký hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom.

- Kho đáp ứng theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

Bùn thải từ HTXLNT chứa tại bể chứa bùn có thể tích khoảng 13 m^3, đảm bảo thời gian lưu chứa và áp dụng tuần hoàn bùn hiệu quả. Bùn thải từ quá trình phân tách dầu khu vực nhà bếp được thu gom vào phuy chứa. Khi bùn đầy, tiến hành nạo vét và bàn giao cho đơn vị có chức năng thu gom.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Chất thải rắn được phân loại tại nguồn theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Cơ sở bố trí khoảng 22 thùng chứa vật liệu HDPE, dung tích từ 20 – 660 lít, có nắp đậy kín để thu gom toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại khu vực nhà hàng, khách sạn, khu bếp,…

- Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, sau đó được nhân viên vệ sinh thu gom và vận chuyển về khu vực tập kết chất thải sinh hoạt. Tại khu vực này bố trí 02 thùng chứa bằng HDPE dung tích 660 lít để lưu giữ tạm thời trước khi bàn giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT).

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh theo quy định của pháp luật.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 25/GPMT-SNNMT ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT, Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT và các quy định của địa phương. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại cho các đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.